TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 326/2023/HNGĐ-ST
Ngày 15 – 12 - 2023
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Tạ Thanh Bự

Ông Nguyễn Văn Hiển

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Diễm My là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi.

Ngày 15 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 532/2023/TLST - HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2023 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 352/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Trần Trường G, sinh năm 1994; địa chỉ cư trú: Ấp PQ, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Bị đơn*: Chị Trịnh Ngọc B, sinh năm 2001; địa chỉ cư trú: Ấp HP, xã NH, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Anh Trần Trường G trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh với chị B chung sống năm 2015, hôn nhân tự nguyện, không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Gia đình hai bên có hàn gắn nhưng không thành. Vợ chồng đã ly thân 05 năm. Nay anh yêu cầu được ly hôn với chị B.

- Về con chung: Có 01 người con tên Trần Trường K, sinh ngày 18/7/2016 đang sống cùng anh. Khi ly hôn, anh yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và các vấn đề khác: Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ người khác và không có người khác nợ lại vợ chồng.

Đối với chị Trịnh Ngọc B đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng chị không có ý kiến về nội dung, yêu cầu khởi kiện của anh G.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Anh Trần Trường G khởi kiện yêu cầu giải quyết về quan hệ hôn nhân, con chung với chị Trịnh Ngọc B là vụ kiện tranh chấp ly hôn, do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Anh G có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Chị B đã được triệu tập hợp lệ, nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh G, chị B.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân, Hội đồng xét xử thấy rằng: Vào năm 2015, anh G và chị B chung sống với nhau trên tinh thần tự nguyện, không có đăng ký kết hôn theo quy định. Như vậy, mối quan hệ hôn nhân giữa anh G với chị B không được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[4] Xét về con chung, Hội đồng xét xử nhận thấy: Tính đến ngày xét xử sơ thẩm, cháu Khang đã hơn 07 tuổi. Khi ly hôn, anh G yêu cầu nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng. Tuy nhiên, chị B không có ý kiến đối với yêu cầu của anh G. Xét thấy: Theo nguyện vọng của cháu K thể hiện cháu có nguyện vọng được sống với cha. Do đó, để tránh thay đổi về môi trường sống, cũng như sự phát triển bình thường về thể chất. Tinh thần và điều kiện học của cháu K nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh G về con chung.

[5] Xét về tài sản chung và các vấn đề khác: Anh G xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ người khác và không có người khác nợ lại vợ chồng nên không yêu cầu giải quyết, nhưng chị B không có ý kiến. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[6] Xét về án phí dân sự: Anh G phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật hiện hành.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53; khoản 1, khoản 2 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 của Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy

ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Trường Gg.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận anh Trần Trường G với chị Trịnh Ngọc B là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Trường K, sinh ngày 18/7/2016 cho anh Trần Trường G được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Trịnh Ngọc B không nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

3. Về án phí dân sự: Anh Trần Trường G phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0000750 ngày 03 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi; anh Trần Trường G đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trương Minh Thịnh